

Số: 99/2024/QĐST-DS

B, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 324/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Á, sinh năm 1967;

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị Á thừa nhận và đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị N số tiền còn thiếu là 32.300.000đ (*ba mươi hai triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Thời gian trả nợ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50% (2.5% x 32.300.000đ) là 807.500đ (*tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng*), mỗi bên có nghĩa vụ nộp một nửa, cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Á có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 403.750đ (*bốn trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Bà Phạm Thị N có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 403.750đ (*bốn trăm lẻ ba*

ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) nhưng bà N thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ